

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lương Thị Anh

- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thành L, sinh năm: 1961. HKTT: Tổ E, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 132 L, tổ I phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1966. HKTT: Tổ E, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: 132 L, tổ I phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày :***

Về quan hệ hôn nhân ông L và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24/9/1990 tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 117. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do có quan điểm, lối sống khác biệt nên không tìm được tiếng nói chung và khiến cho vợ chồng dần xa cách. Dù đã nhiều lần cố gắng trao đổi, tìm cách cứu vãn quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không có kết quả. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng ngày nghiêm trọng khiến cả hai không thể nói chuyện với nhau trong một thời gian dài. Ông bà đã ly thân từ năm 2013. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông làm đơn này yêu cầu toà án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: ông và bà Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung tên là Phan Thành T1, sinh ngày 18/02/1991 và Phan Thành L1, sinh ngày 17/05/1994. Hiện nay con Phan Thành L1 đã có gia đình riêng, còn con Phan Thành T1, cháu bị bệnh liên quan đến thần kinh điều trị từ năm 2017 cho đến nay, hiện nay vẫn còn uống thuốc duy trì chữa bệnh. Ly hôn do Tòa án giải quyết, ông sẽ thực hiện theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Nếu toà án giải quyết cho bà T nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho bà T mỗi tháng 3.700.000đồng / tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: bà và ông L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1990 tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và tạo dựng tài sản hiện có với nhau, sau đó đến năm 2010 có xảy ra một số mâu thuẫn giữa 2 vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không phù hợp nhau, ông L là người gia trưởng, độc đoán, keo kiệt, ích kỷ, vũ phu và không tôn trọng ý kiến của bà, không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà và các con trong cuộc sống nên vì vậy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và cũng từ thời điểm mâu thuẫn cho đến hiện nay vợ chồng vẫn ở chung một nhà và ở 02 phòng riêng biệt nhưng mọi việc trong gia đình bà đều lo, bản thân bà cũng đã cố gắng hết sức vì gia đình và các con để giữ hạnh phúc và kinh tế. Nay ông L xin ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì đã lớn tuổi và chờ khi giải quyết xong tài sản chung theo thỏa thuận của vợ chồng cũng như hỗ trợ tài sản cho các con mà ông bà đã lập bằng văn bản ngày 24/6/2023 thì bà mới ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thành T1, sinh ngày 18/02/1991 và Phan Thành L1, sinh ngày 17/05/1994. Trong đó có con Phan Thành L1 đã đủ tuổi trưởng thành và có gia đình riêng. Còn con Phan Thành T1 đã đủ tuổi trưởng thành, tuy nhiên cháu có bệnh án về tâm thần phân liệt thể không biệt định F20.3 và vẫn đang điều trị ngoại trú nay việc nuôi con Phan Thành T1 do Tòa án quyết định, nếu Tòa giao con cho bà nuôi thì bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà đã tự lập giấy thỏa thuận chia tài sản chung ngày 24/6/2023. Nay bà đề nghị ông L thực hiện việc chia tài sản chung đã thỏa thuận này. Còn bà không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung : Không có.

*** *Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:***

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời

hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, trừ việc sao gửi chứng cứ cho bị đơn. Bị đơn thực hiện đúng theo điều 70,74 BLTTDS.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của ông Phan Thành L đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Thành L được ly hôn bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Giao Phan Thành T1, sinh ngày 18/02/1991, cho bà Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng, buộc ông Phan Thành L phải cấp dưỡng nuôi con Phan Thành T1 cho bà T mỗi tháng 4.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có

Án phí HNGĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa ông, bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phan Thành L và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống ông L cho rằng Nguyên nhân do có quan điểm, lối sống khác biệt nên không tìm được tiếng nói chung và khiến cho vợ chồng dần xa cách. Dù đã nhiều lần cố gắng trao đổi, tìm cách cứu vãn quan hệ hôn nhân nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013, nay ông yêu cầu được ly hôn đối với bà T, còn bà T cho rằng ông L là người gia trưởng, độc đoán, keo kiệt, ích kỷ, vũ phu và không tôn trọng ý kiến của bà, không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà và các con trong cuộc sống nên vì vậy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay ông L xin ly hôn bà không đồng ý ly hôn và chỉ đồng ý ly hôn khi giải quyết xong tài sản chung theo thỏa thuận của vợ chồng đã lập bằng văn bản ngày 24/6/2023.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm, tôn trọng nhau để cùng nhau chia sẻ cuộc sống gia đình nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Bản thân ông bà luôn đổ lỗi cho nhau, cả hai ông bà không còn tìm thấy sự đồng điệu trong tình cảm vợ chồng dành cho nhau, cũng như không còn có sự tôn trọng nhau, tin tưởng nhau trong cuộc sống thì có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả. HĐXX thấy mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông L đối với bà T là phù hợp.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thành T1, sinh ngày 18/02/1991 và Phan Thành L1, sinh ngày 17/05/1994. Trong đó cháu Phan Thành L1 đã có gia đình riêng. Còn con Phan Thành T1 đã đủ tuổi trưởng thành, tuy nhiên cháu có bệnh án về tâm thần phân liệt thể không biệt định F20.3 và vẫn đang điều trị ngoại trú. Ly hôn ông L đề nghị do Tòa án quyết định, ông sẽ thực hiện theo bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu toà án giải quyết cho bà T nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho bà T mỗi tháng 3.700.000đồng/ tháng. Còn bà T cho rằng nếu Toà giao con Phan Thành T1 bà nuôi thì bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/ tháng.

Xét thấy về con chung hiện nay các con ông bà đã đủ tuổi trưởng thành, lẽ thường các con khi đủ tuổi thì HĐXX không đề cập đến, tuy nhiên hiện nay vì con Phan Thành T1 đã đủ tuổi trưởng thành nhưng cháu có bệnh án về tâm thần phân liệt thể không biệt định F20.3 và vẫn đang điều trị ngoại trú. Mặc dù ông bà không làm thủ tục yêu cầu tuyên bố hạn chế hay mất năng lực đối với ông T1 nhưng có cơ sở xác định hiện nay ông T1 không có khả năng tự lao động, tự nuôi bản thân và đề

đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của con chung nên cần phải chỉ định quyền chăm sóc trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đối với con chung Phan Thành T1 cho đến khi ông T1 có đủ khả năng lao động là phù hợp theo điều 110 Luật hôn nhân và gia đình và buộc người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Thấy cần giao con Phan Thành T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và buộc ông Phan Thành L phải cấp dưỡng nuôi con Phan Thành T1 cho bà T mỗi tháng 4.000.000đ là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông T1 có đủ khả năng lao động.

[7] Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu toà án giải quyết còn bà T cho rằng vợ chồng đã tự lập giấy thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 24/6/2023. Nay bà đề nghị ông L thực hiện thỏa thuận này trước. Còn phần bà thì bà không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung (vì việc chia tài sản là trách nhiệm của ông L là người nộp đơn ly hôn phải thực hiện). HĐXX thấy nguyên đơn không yêu cầu toà án giải quyết tài sản chung, còn bà L cũng không đề nghị giải quyết thì HĐXX không giải quyết về phần chia tài sản chung. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn thì toà án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[9] Về nợ chung: ông L và bà T xác định không có.

[10] Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông L phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0000066 ngày 01/6/2023. Ông L còn phải nộp thêm 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

Khoản 1 Điều 33; Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của ông Phan Thành L đối với bà Nguyễn Thị Thu T(Giấy kết hôn số 117 ngày 24 tháng 9 năm 1990 của UBND phường T, quận H, thành phố Đ không còn giá trị)

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Thành L được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

1.2. Về con chung: Giao con Phan Thành T1, sinh ngày 18/02/1991, cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Phan Thành L phải cấp dưỡng nuôi con Phan Thành T1 cho bà T mỗi tháng 4.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 có đủ khả năng lao động theo điều 110 Luật hôn nhân gia đình.

2. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, khi nào các bên đương sự có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn thì toà án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

3. Nợ chung: Không có

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông L phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng **tại cơ quan Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng**, theo biên lai thu số 0000066 ngày 01/6/2023. Ông Phan Thành L còn phải nộp thêm 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- UBND phường Thanh Bình, quận Hải Châu
, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Anh